

Số: 555/QĐ-CVHHNA

Nghệ An, ngày 06 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI NGHỆ AN

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4477/CHHĐTVN-PC ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc phê duyệt Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An".

Điều 2.

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2026
- Bãi bỏ Nội quy cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 1056/QĐ-CVHHNA ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Nghệ An và các quy định trước đây của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An liên quan đến hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An trái với Nội quy này.

Điều 3. Trưởng các phòng: Quản lý kết cấu hạ tầng, An toàn - An ninh hàng hải, Tổ chức - Hành chính, Tài chính - Kế toán, Trưởng Đại diện Cửa Lò, Trưởng Đại diện Thanh Chương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *tho*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Nghệ An (b/cáo);
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (b/cáo);
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An;
- Chi Cục Hải quan khu vực XI;
- Đội cảnh sát đường thủy - Phòng CSGT Công an tỉnh Nghệ An;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An;
- Chi Cục Chăn nuôi và thú y vùng III;
- Phó Giám đốc;
- Phòng AT-ANHH, ĐD Cửa Lò;
- Lưu: VT, QLKCHT.

GIÁM ĐỐC



Võ Duy Thắng

NỘI QUY CẢNG BIỂN THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI NGHỆ AN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 555 /QĐ-CVHHNA ngày 06/7/2026
của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Nghệ An)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy cảng biển này bao gồm các quy định về tàu thuyền, công trình hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và các hoạt động khác liên quan đến hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An trên cơ sở quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, các Nghị định sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP), các quy định pháp luật khác có liên quan và điều kiện thực tế hoạt động hàng hải tại khu vực.

2. Vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An được quy định tại Thông tư số 56/2025/TT-BXD ngày 26/12/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An (sau đây gọi tắt là Thông tư số 56/2025/TT-BXD) bao gồm 03 khu vực hàng hải:

- a) Khu vực hàng hải Đông Hồi.
- b) Khu vực hàng hải Cửa Lò - Bến Thủy.
- c) Khu vực hàng hải Xuân Hải.

Thông tin chung về vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nội quy này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy cảng biển này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An.

2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy cảng biển này cũng được áp dụng đối với cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An.



3. Trường hợp các quy định của pháp luật liên quan được viện dẫn tại Nội quy này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và các cơ quan quản lý chuyên ngành tại cảng biển

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển Nghệ An là Cảng vụ Hàng hải Nghệ An (sau đây gọi tắt là Cảng vụ) gồm trụ sở chính và đại diện có thông tin cụ thể như sau:

a) Trụ sở chính

+ Địa chỉ: Đường Hồ Quý Ly, khối 13, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

+ Điện thoại: 0238.3855322; 0238.3855095.

+ Fax: 0238.3855527.

+ E-mail: cangvuhanghainghean61@gmail.com

+ Trang điện tử: <http://www.cangvuhanghainghean.gov.vn>

b) Đại diện Cửa Lò

+ Địa chỉ: Số 01, Đường Bình Minh, phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

+ Điện thoại: 0238.3952245

+ Fax: 0238.3952246

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển.

Thông tin chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nội quy này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 4. Thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài liên lạc với Cảng vụ qua điện thoại, fax, thư điện tử, trên kênh VHF, các ứng dụng công nghệ thông tin khác hoặc trực tiếp đến các địa chỉ tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Việc sử dụng VHF liên lạc với Cảng vụ trên các kênh liên lạc sau:

- Kênh trực canh: 16;

- Kênh làm việc: 09 hoặc các kênh được chỉ định khác.

3. Ngôn ngữ sử dụng liên lạc trên kênh VHF là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

4. Trường hợp cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc với Cảng vụ qua Đài Thông tin Duyên hải Bến Thủy: Ben Thuy Radio/ Hô hiệu: XVB/Số nhận dạng (ID): 0057410700.

5. Tàu thuyền đang hoạt động trong vùng nước cảng biển phải duy trì liên lạc với Cảng vụ qua VHF trên kênh 16 hoặc các thiết bị thông tin liên lạc khác và duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định.

6. Khi sử dụng VHF, tên tàu thuyền hoặc tên tổ chức, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc với nhau. Tất cả tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 16, 09 VHF. Cấm tàu thuyền sử dụng kênh 16, 09 VHF vào mục đích riêng.

7. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu thuyền hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp bất khả kháng hay do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu như phao EPIRB, MF/HF, VHF, DSC, v.v..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ, đồng thời dùng mọi biện pháp cải chính tín hiệu cấp cứu đã phát trước đó.

Mục 2

THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến cảng biển

1. Tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Mục 1 Chương IV, Mục 1 và Mục 2 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến cảng biển phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, độ cao tĩnh không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế của luồng hàng hải, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng quay trở và các công trình khác đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định.

Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền

1. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc điều động tàu thuyền neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong cảng biển và luồng hàng hải theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trước thời điểm bắt đầu điều động và ngay sau khi kết thúc điều động, thuyền trưởng phải xác báo việc thực hiện lệnh điều động cho Cảng vụ.

3. Tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển Nghệ An phải duy trì liên lạc và chấp hành chỉ dẫn của Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải Cửa Lò (sau đây gọi tắt là Hệ thống VTS) theo quy định của Nội quy này và hướng dẫn của Cảng vụ.

Thuyền trưởng tàu thuyền có hoa tiêu có thể ủy quyền cho hoa tiêu dẫn tàu xác báo việc thực hiện lệnh điều động cho Cảng vụ.

Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh đến, rời cảng biển

1. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến/rời cảng biển, quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Mục 2, Mục 3, Mục 4 và Mục 5 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2025/NĐ-CP), Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải (sau đây gọi tắt là Nghị định số 74/2023/NĐ-CP); Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 14/2026/NĐ-CP); Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục điện tử đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua cơ chế một cửa quốc gia và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Quy định miễn, giảm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Địa điểm làm thủ tục

Địa điểm làm thủ tục cho tàu thuyền theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 77 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

a) Tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại Khu vực Cửa Lò, bến phao chuyên dùng Nghi Hương và khu neo đậu, chuyển tải Hòn Ngur: thực hiện thủ tục tại Văn phòng Đại diện Cửa Lò.

b) Tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại Khu vực cảng Bến Thủy, bến cảng Xăng dầu Hưng Hòa và các bến cảng thuộc vùng nước cảng biển trên sông Lam: thực hiện thủ tục tại Trụ sở Cảng vụ.

c) Trường hợp địa điểm làm thủ tục tại tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục của các hoạt động khác trong vùng nước cảng biển được thông báo cụ thể trên trang web của Cảng vụ theo địa chỉ: <https://cangvuhanghainghean.gov.vn/>.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải

1. Tàu thuyền chỉ được phép neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải khi có Lệnh điều động hoặc sự chấp thuận của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Nghệ An (sau đây gọi tắt là Giám đốc Cảng vụ).

2. Thuyền trưởng và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện chính xác, kịp thời và đầy đủ Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ. Trường hợp không thể thực hiện theo Lệnh điều động, phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để xử lý.

3. Trong các trường hợp khẩn cấp và cần thiết khác, lệnh điều động có thể thực hiện bằng thông tin liên lạc trực tiếp qua VHF, điện thoại hoặc các phương thức thông tin liên lạc phù hợp.

Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 16/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và theo sự hướng dẫn của Cảng vụ.

Trong trường hợp để tránh nguy cơ tai nạn, sự cố trước mắt hoặc trường hợp ngoài khả năng kiểm soát, thuyền trưởng áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn cho tàu mình và các đối tượng khác.

2. Tàu thuyền đi cắt ngang luồng có trách nhiệm nhường đường cho các tàu thuyền khác hoạt động trên luồng.

3. Trừ trường hợp điều động để tránh nguy cơ đâm va, tàu thuyền hành trình trên luồng phải tuân thủ theo hướng dẫn của Cảng vụ như sau:

a) Luồng Cửa Lò:

- Từ phao số P0 đến cập phao số P1-P2: tốc độ không quá 08 hải lý/giờ;

- Từ cập phao số P1-P2 trở vào: tốc độ không quá 06 hải lý/giờ.

b) Luồng Cửa Hội - Bến Thủy:

- Từ phao số P0 đến ngang bến cảng Xuân Hải: tốc độ không quá 06 hải lý/giờ;

- Từ ngang bến cảng Xuân Hải đến bến cảng Bến Thủy: tốc độ không quá 05 hải lý/giờ.

c) Khoảng cách tối thiểu giữa hai tàu hành trình cùng chiều trên luồng Cửa Lò, Cửa Hội - Bến Thủy là 0,5 hải lý.

4. Nội dung quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các tàu công vụ, tàu cứu hỏa, tàu cứu nạn đang làm nhiệm vụ, tàu cánh ngầm và các tàu

thuyền cao tốc khác có thiết bị chống tạo sóng

5. Mọi tàu thuyền hành trình trong khu vực hàng hải duy trì độ sâu dự trữ dưới ky tàu (Chân hoa tiêu) tham khảo theo Bảng độ sâu dự phòng tối thiểu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nội quy này để đảm bảo điều động tàu thuyền hiệu quả.

Điều 11. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu

1. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển thực hiện các quy định tại các Điều 65, 66, 69 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Khi cần thay đổi vị trí neo đã được chỉ định, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết rõ lý do và chỉ khi có lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ mới được tiến hành điều động tàu thuyền đến vị trí neo mới theo chỉ định; trừ trường hợp bất khả kháng hay để tránh một nguy cơ trước mắt nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 12. Cập cầu, cập mạn tàu thuyền

1. Việc cập cầu, cập mạn của tàu thuyền tại cảng biển được thực hiện theo quy định tại Điều 68 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP) Điều 115, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Đối với các cầu cảng, bến phao chịu tác động trực tiếp của thời tiết, khi điều kiện thời tiết xấu (gió trên cấp 5, sóng trên 2m) các tàu không được vào cập cầu, buộc phao, nếu tàu đang neo đậu trong cầu hoặc bến phao phải chủ động điều động ra neo tại vị trí an toàn sau khi tham khảo hướng dẫn của Cảng vụ.

Điều 13. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển

1. Trước khi hoạt động nạo vét, xây dựng, thi công các công trình bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước hoặc các công trình hàng hải khác trong vùng nước cảng biển và vùng biển tỉnh Nghệ An, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 (được sửa đổi bổ sung bởi Điều 26 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP), Điều 7 (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải), Điều 8 (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP) Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phương tiện thi công phải lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét đảm bảo theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/05/2024 của Chính phủ quy định hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; Thông tư số 43/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết một số điều của Nghị

định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

3. Phương tiện vận chuyển sản phẩm nạo vét thực hiện thông báo hành trình qua Hệ thống VTS trên kênh 16 VHF hoặc điện thoại tại các thời điểm:

- a) Bắt đầu và kết thúc tiếp nhận sản phẩm nạo vét tại khu vực thi công.
- b) Bắt đầu di chuyển từ vị trí thi công đến bãi đổ và ngược lại.

4. Các phương tiện trước khi tiến hành các hoạt động nạo vét, thi công công trình hàng hải hoặc các công trình khác trong vùng nước cảng biển Nghệ An thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các khoản 26, 43 Điều 1, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và được sự chấp thuận của Cảng vụ.

Mục 4

DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 14. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển Nghệ An phải thực hiện theo quy định tại Chương XI của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Mục 6 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 15. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

1. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch dẫn tàu hàng ngày theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Trường hợp có yêu cầu phát sinh thay đổi về thời gian dẫn tàu hoặc yêu cầu phát sinh về dẫn tàu so với kế hoạch, tổ chức hoa tiêu hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay và gửi kế hoạch bổ sung cho Cảng vụ thông qua các phương thức thông tin phù hợp để điều chỉnh kế hoạch dẫn tàu kịp thời.

Điều 16. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

1. Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất có thể, giữ liên lạc với hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Cầu thang hoa tiêu phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí các thiết bị cứu sinh theo quy định.

2. Tàu thuyền phải đón, trả hoa tiêu tại đúng vị trí đã được quy định. Trường hợp khu vực dẫn tàu chưa có quy định cụ thể về vị trí đón, trả hoa tiêu hoặc trong điều kiện thời tiết không bảo đảm để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn tại vị trí quy định, hoa tiêu được thỏa thuận với thuyền trưởng lựa chọn vị trí đón, trả hoa tiêu phù hợp. Vị trí này phải bảo đảm an toàn cho tàu thuyền, không gây cản trở hoạt động hàng hải trong khu vực và phải được Cảng vụ chấp thuận.

Điều 17. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

Hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Điều 104, Điều 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy định sau:

a) Khi tàu thuyền xảy ra sự cố, tai nạn hàng hải, thuyền trưởng, hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hệ thống VTS các thông tin sau: Tên tàu, vị trí, thời gian xảy ra tai nạn, sự cố; Loại tai nạn, sự cố; Tổn thất về người, tổn thất về tài sản của tàu (nếu có); Tổn thất về môi trường (ô nhiễm môi trường, hoặc nguy cơ gây ô nhiễm môi trường) (nếu có); Tình trạng kỹ thuật của tàu: Thân vỏ, máy chính, máy lái, thiết bị điều khiển, neo; Điều kiện khí tượng thủy văn nơi xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải: Sóng gió, dòng chảy, tầm nhìn xa; Mật độ phương tiện tham gia hành hải nơi xảy ra tai nạn, sự cố; Các yêu cầu trợ giúp tìm kiếm cứu nạn, lai dắt, trợ giúp y tế và các yêu cầu trợ giúp cần thiết khác.

b) Thuyền trưởng, hoa tiêu dẫn tàu thông báo kịp thời cho Hệ thống VTS khi phát hiện các tình huống nguy cấp sau: Tầm nhìn xa giảm và các điều kiện thời tiết bất lợi khác; Sự cố hư hỏng hay sai khác của báo hiệu hàng hải; Mật độ tàu thuyền ảnh hưởng đến việc điều động tàu; Tai nạn đâm va, sự cố ô nhiễm môi trường và các tình huống nguy cấp khác.

Điều 18. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 247 của Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015; khoản 2, Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, trước khi đến vị trí hoa tiêu hoặc trước khi điều động, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ biết về việc tự dẫn tàu và gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải. Trong quá trình tự dẫn tàu, thuyền trưởng có trách nhiệm thông báo tình hình dẫn tàu theo quy định tại Điều 17 của Nội quy cảng biển này.

Điều 19. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng với tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động tàu vào, rời cầu cảng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai dắt hỗ trợ, doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai dắt hỗ trợ, cầu cảng hoặc bến phao.

Trong trường hợp tàu lai dắt hỗ trợ, cầu cảng hoặc bến phao chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Mục 5

LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 20. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ

1. Việc sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 27 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP.

2. Chiều dài tàu thuyền quy định tại Điều này là chiều dài lớn nhất của tàu thuyền tính bằng đơn vị mét (m). Đối với đoàn lai dắt, chiều dài được tính bằng tổng chiều dài đoàn bị lai và tàu lai dắt.

3. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao, cập mạn tàu thuyền khác, di chuyển vị trí, di chuyển trong luồng, quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao phải sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ theo quy định dưới đây:

3.1. Đối với Bến cảng chuyên dùng Vissai và Bến cảng thuộc Kho xăng dầu DKC

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m đến 100 m phải có 01 (một) tàu lai dắt hỗ trợ với công suất máy chính tối thiểu là 1.200 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100 m đến 140 m phải có ít nhất 02 (hai) tàu lai dắt hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu là 2.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 1.200 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140 m đến 160 m phải có ít nhất 02 (hai) tàu lai dắt hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu là 3.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 1.600 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 160 m đến 180 m phải có ít nhất 03 (ba) tàu lai dắt hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 6.800 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 1.600 HP và 01 (một) tàu lai công suất tối thiểu là 3.200 HP;

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 180 m đến 200 m phải có ít nhất 03 (ba) tàu lai dắt hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 9.800 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 2.600 HP và 01 (một) tàu lai công suất tối thiểu là 4.500 HP;

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 200 m phải có ít nhất 03 (ba) tàu lai dắt hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 10.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 2.600 HP và 01 (một) tàu lai công suất tối thiểu là 5.000 HP.

3.2. Đối với các cầu cảng, bến cảng khác

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m đến 100 m phải có 01 (một) tàu lai dắt hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu là 800 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100 m đến 140 m phải có ít nhất 02 (hai) tàu lai dắt hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 1.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 800 HP;



c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140 m đến 160 m phải có ít nhất 02 (hai) tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 2.400 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 850 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 160 m đến 180 m phải có ít nhất 03 (ba) tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 5.000 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 1.600 HP;

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 180 m đến 200 m phải có ít nhất 03 (ba) tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 7.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 2.400 HP;

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 200 m phải có ít nhất 03 (ba) tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 10.000 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 2.600 HP.

Điều 21. Tăng, giảm tàu lai dắt hỗ trợ

1. Trong trường hợp đặc biệt, hành hải không bình thường, căn cứ vào tình hình thực tế tàu lai tại khu vực, xem xét các điều kiện an toàn, Giám đốc Cảng vụ quyết định cụ thể về việc tăng cường về số lượng, công suất, tính năng tàu lai hỗ trợ tàu thuyền cập, rời cầu, quay trở, dịch chuyển vị trí nhằm bảo đảm an toàn hàng hải và trên cơ sở ý kiến của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải, cụ thể như sau:

a) Tàu thuyền có chiều dài (LOA) hoặc trọng tải (DWT) lớn hơn chiều dài, trọng tải trong quyết định công bố của cầu cảng được phép tiếp nhận.

b) Tàu thuyền cập/rời cầu cảng trong điều kiện thời tiết xấu, không thuận lợi.

c) Tàu thuyền bị sự cố, hạn chế hoặc mất khả năng điều động.

d) Các trường hợp cần thiết khác nhằm bảo đảm an toàn.

2. Đối với tàu thuyền (bao gồm cả tàu lai dắt) cập, rời cầu mà có thiết bị hỗ trợ điều động, Giám đốc Cảng vụ xem xét giảm số lượng, công suất tàu lai trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, kiến nghị của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải và các điều kiện thực tế khác, cụ thể như sau:

a) Trong điều kiện khí tượng thủy văn ở trạng thái bình thường (gió từ cấp 5 trở xuống theo thang sức gió beaufort), tàu không bị hạn chế bởi mớn nước hoặc chiều cao mạn đặc biệt, những tàu phải sử dụng từ hai tàu lai trở lên có công suất khác nhau thì được miễn giảm một tàu lai có công suất nhỏ nhất với điều kiện tàu đó trang bị chân vịt mũi với công suất tương đương công suất máy tàu lai nhỏ nhất và hoạt động bình thường theo thiết kế.

b) Trong điều kiện khí tượng thủy văn ở trạng thái bình thường, tàu sử dụng phương tiện lai dắt được trang bị hai chân vịt biến bước và hai bánh lái hoặc chân vịt Azimuth.

Điều 22. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai

1. Trách nhiệm của thuyền trưởng

Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của hoa tiêu dẫn tàu

Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo khoản 1 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Quyền chỉ huy lai dắt tàu biển và hoạt động của đoàn lai dắt thực hiện theo quy định tại Điều 259 Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015 và các quy định pháp luật hàng hải liên quan khác.

Mục 6

AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 23. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải

Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn theo các Điều 62 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP), Điều 106, Điều 108 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; các quy định pháp luật khác có liên quan và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 24. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

1. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm xây dựng và trình Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ xem xét, chấp thuận phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, Điều 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan; Tổ chức thực hiện đúng theo phương án đã được duyệt.

2. Trong quá trình xây dựng và thi công, nếu có sự thay đổi về biện pháp thi công hoặc biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải, giao thông hàng hải so với phương án đã được phê duyệt thì tổ chức, cá nhân liên quan phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.

Điều 25. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển

Hoạt động quản lý, vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố Thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương III của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 26. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

1. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc các tổ chức, đơn vị liên quan khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi

trường theo quy định tại Mục 2 Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc các tổ chức, đơn vị liên quan khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện ngay việc ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Các doanh nghiệp cảng có trách nhiệm lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả sau khi được ban hành và sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy của các cơ quan có thẩm quyền. Hoạt động Ứng phó sự cố tràn dầu tuân thủ theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

4. Các doanh nghiệp cảng có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc tuân thủ theo Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc và Quyết định số 04/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc.

Điều 27. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoặc tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về xử lý tai nạn hàng hải theo quy định tại Điều 107 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng, chủ tàu, người quản lý tàu, người khai thác tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải có trách nhiệm thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20/01/2020 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 28. Phòng, chống cháy, nổ

1. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc các tổ chức, cá nhân liên quan khi hoạt động tại vùng nước cảng biển Nghệ An phải thực hiện việc phòng, chống cháy, nổ theo quy định tại Điều 113 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 41 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP), Điều 114 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 42 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP), Điều 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, thuyền trưởng, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ biết, phối hợp xử lý theo quy định.

Mục 7

AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 29. Bảo đảm an ninh hàng hải

1. Tàu thuyền và doanh nghiệp cảng phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 của Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật Quốc tế về An ninh tàu biển và cảng biển (ISPS Code) được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21/02/2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tăng cường công tác cảnh giới và có biện pháp phù hợp nhằm phòng ngừa, bảo đảm an ninh cho tàu khi neo đậu tại các khu neo đậu, chuyển tải và khu đón, trả hoa tiêu; không cho phép các tàu thuyền không có nhiệm vụ cập mạn tàu thuyền mình.

3. Chấp hành thực hiện nghiêm các nội dung được quy định tại Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03/7/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng và Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ quy định về hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 30. Lao động hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển và vùng nước cảng biển phải chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động hàng hải và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về lao động hàng hải.

2. Tàu thuyền thuộc đối tượng áp dụng của Công ước Lao động Hàng hải (MLC 2006) phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Công ước này.

3. Khi xảy ra tai nạn lao động hàng hải trong vùng nước cảng biển, chủ tàu hoặc thuyền trưởng có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Thông tư số 37/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động hàng hải và kịp thời báo cáo cho Cảng vụ để phối hợp xử lý.

Mục 8

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 31. Bảo vệ môi trường tại cảng biển

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên, Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm

2015, Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 32. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, pháp luật Việt Nam về lao động hàng hải và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 115 Nghị định 58/2017/NĐ-CP.

Điều 33. Quản lý nước dẫn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải, Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 34. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo các Điều 115, 116, 117, 118 và 119 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến tràn dầu, các tàu thuyền neo đậu tại khu vực lân cận phải di chuyển theo hướng dẫn, điều tiết của Cảng vụ và thực hiện các quy định theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Mục 9

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Điều 35. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải tuân thủ các quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; các Điều 101, 102, 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng/bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải

1. Doanh nghiệp khai thác cảng biển, bến phao có trách nhiệm thực hiện quy định tại các Điều 22, 37, 67, 112, 113, 114 và 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (các Điều 22, 67, 113, 114 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các khoản 11, 28, 41, 42 Nghị định 34/2025/NĐ-CP); Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo trì công trình hàng hải và các quy định liên quan của pháp luật.

2. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải; Điều 22, Điều 37, Điều 67, Điều 112, Điều 113, Điều 114, Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (các Điều 22, 67, 114 được sửa đổi bổ sung bởi các khoản 11, 28, 42 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP); các quy định có liên quan khác của pháp luật và yêu cầu sau đây:

a) Thực hiện việc kê khai và niêm yết giá theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Trước 16 giờ hàng ngày phải thông báo kế hoạch điều độ tàu vào, rời cảng, tàu di chuyển, quay trở cho Cảng vụ để lập và triển khai kế hoạch điều độ tàu; trường hợp có thay đổi, phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để điều chỉnh kế hoạch điều độ tàu thuyền trong ngày.

Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển

1. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển thực hiện theo quy định tại Chương X Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Điều 11, Điều 12 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển (Điều 12 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018).

2. Trách nhiệm của Đại lý tàu biển

a) Cung cấp thông tin, tài liệu và đề nghị thuyền trưởng nghiên cứu, chấp hành nghiêm chỉnh Nội quy cảng biển; các văn bản chỉ đạo, điều hành của Cảng vụ và các quy định có liên quan của pháp luật.

b) Chủ động liên hệ với Cảng vụ và cơ quan chức năng để được cung cấp các thông tin liên quan về điều kiện hành hải, khí tượng, thủy văn, địa chất tại vùng nước cảng biển và các khuyến cáo về an toàn đối với thuyền trưởng.

c) Chỉ được thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu biển trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác, phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và quy định liên quan khác của pháp luật.

d) Khi bố trí mới, thuyền chuyển hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đại lý viên, doanh nghiệp chủ quản phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển.

e) Thực hiện thông báo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cảng vụ và các cơ quan chức năng.

Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018.

Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển phải tuân thủ quy định tại Chương VII Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Chương VI Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 và các quy định liên quan của pháp luật.

2. Tàu lai thực hiện dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật và bố trí thuyền viên theo quy định.

3. Trước ngày mùng 5 hàng tháng, gửi thống kê lượt tàu lai phục vụ lai dắt trong vùng nước cảng biển của tháng trước đó cho Cảng vụ để làm căn cứ thu phí, lệ phí hàng hải theo quy định.

4. Chậm nhất 16 giờ hàng ngày, gửi kế hoạch tàu lai hỗ trợ cho Cảng vụ (nội dung gồm: tên tàu lai, công suất, tên tàu được lai, thời gian dự kiến lai dắt hỗ trợ); trường hợp có thay đổi, bổ sung phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để điều chỉnh kế hoạch điều động tàu thuyền trong ngày.

5. Tàu lai phải sẵn sàng trước thời gian tàu được lai dắt dự kiến cập, rời cầu, bến phao, cập, rời mạn tàu.

Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền

1. Doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phá dỡ tàu thuyền và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Kịp thời báo cáo đến Cảng vụ khi xảy ra các sự cố, tai nạn trong quá trình đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền.

3. Thực hiện kịp thời các yêu cầu của Cảng vụ nhằm đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, an toàn lao động và các vấn đề khác có liên quan đến doanh nghiệp.

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền

1. Doanh nghiệp cảng hoặc doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; pháp luật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; các quy định pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, được sửa đổi bổ sung bởi Điều 3 Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải.

2. Không gây ảnh hưởng tới an toàn, an ninh trật tự và các hoạt động bình thường của tàu thuyền trong quá trình tiếp nhận, thu gom chất thải từ tàu thuyền.

Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải

1. Định kỳ tiến hành đo đạc và gửi cho Cảng vụ Thông báo hàng hải kèm theo bình đồ về độ sâu luồng vào cảng theo quy định tại Chương III Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 74/2023/NĐ-CP, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, các Điều 32, 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP; Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07/4/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải, thông báo hàng hải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phải tiến hành khảo sát và ra thông báo hàng hải ngay khi có sự thay đổi về độ sâu luồng tàu, hệ thống báo hiệu và thiết bị trợ giúp hàng hải hoặc khi đã khôi phục xong những sai lệch của hệ thống báo hiệu, thiết bị trợ giúp hàng hải.

3. Hệ thống phao tiêu, báo hiệu, thiết bị trợ giúp hàng hải phải được bảo đảm hoạt động tốt.

4. Kịp thời thông báo cho Cảng vụ biết:

- Khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng; báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch;
- Trước và sau khi sửa chữa, khắc phục hư hỏng các báo hiệu hàng hải;
- Các thông tin cần thiết khác.

Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam; Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT ngày 10/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác

1. Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ và quy định pháp luật khác có liên quan để thực hiện.

2. Chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải thông báo cho Cảng vụ biết khi hoạt động tại khu vực quản lý của Cảng vụ.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng biển thuộc diện kê khai giá phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 của Bộ Xây dựng;

Doanh nghiệp gửi văn bản kê khai giá lần đầu, bổ sung (nếu có) đến Cảng vụ theo quy định của Luật số 16/2023/QH15; Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15; Luật số 140/2025/QH15; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026.

Mục 10

CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ Hàng hải

1. Cảng vụ phải chủ động phối hợp với các Cảng vụ hàng hải khác có liên quan để giải quyết các vụ việc, tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của mình, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế.

2. Trường hợp phát sinh các tình huống vượt quá thẩm quyền của Cảng vụ phải báo cáo ngay Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và chính quyền địa phương để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Các Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhau khi thi hành nhiệm vụ nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp cảng, chủ tàu, chủ hàng, tàu thuyền và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, đảm bảo cho các hoạt động an toàn và hiệu quả.

Điều 46. Phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác

Cảng vụ có trách nhiệm tổ chức phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển theo quy định tại Điều 92, Điều 93 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Điều 120 và Điều 121 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Mục 11

CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

Điều 47. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự

Việc tổ chức các hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, diễn tập quân sự và an ninh hàng hải và các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, khoản 1 Điều 26 của Nội quy này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 48. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh

1. Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định có liên quan tại Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007, Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.

2. Tàu thuyền, đại lý tàu thực hiện khai báo cho cơ quan y tế có thẩm quyền theo các yêu cầu tại Điều 89, Điều 90, Điều 92, Điều 97 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Các cơ quan chuyên ngành tại cảng biển thực hiện quy định tại Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới và các quy định liên quan khác của pháp luật.

Phụ lục I
THÔNG TIN CHUNG VỀ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THUỘC KHU
VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI NGHỆ AN
(Ban hành kèm theo Nội quy cảng biển thuộc Khu vực quản lý
của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An)

Phạm vi vùng nước cảng biển Nghệ An thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An được quy định cụ thể tại Thông tư số 56/2025/TT-BXD ngày 26/12/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An như sau:

1. Khu vực hàng hải Đông Hời

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm từ ĐH1 đến ĐH5, có các tọa độ như sau:

Vị Trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
ĐH1	19°17'16.06"	105°48'10.03"	19°17'13.00"	105°48'17.00"
ĐH2	19°16'31.06"	105°50'24.03"	19°16'28.00"	105°50'31.00"
ĐH3	19°13'21.06"	105°53'05.03"	19°13'18.00"	105°53'12.00"
ĐH4	19°12'21.06"	105°53'05.03"	19°12'18.00"	105°53'12.00"
ĐH5	19°12'21.06"	105°43'59.03"	19°12'18.00"	105°44'06.00"
HM1	19°13'37.06"	105°45'20.03"	19°13'34.00"	105°45'27.00"
HM2	19°13'58.08"	105°45'15.04"	19°13'55.02"	105°45'22.01"

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm ĐH1 chạy dọc theo bờ biển xã Quỳnh Lập về hướng Nam, tiếp tục chạy qua đoạn thẳng nối hai điểm HM1 có tọa độ: 19°13'37,6"N - 105°45'20,3"E và HM2 có tọa độ: 19°13'58,8"N - 105°45'15,4"E (cửa sông Hoàng Mai), chạy dọc theo bờ biển xã Quỳnh Phương đến điểm ĐH5.

2. Khu vực hàng hải Cửa Lò - Bến Thủy

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm NA1 đến NA5, có tọa độ sau đây:

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
NA1	18°52'55.06"	105°40'24.03"	18°52'52.00"	105°40'31.00"	
NA2	18°52'55.06"	105°50'53.03"	18°52'52.00"	105°51'00.00"	

NA3	18°46'15.06"	105°50'53.03"	18°46'12.00"	105°51'00.00"	
NA4	18°46'15.06"	105°46'19.03"	18°46'12.00"	105°46'26.00"	Bờ Nam Cửa Hội
NA5	18°45'52.06"	105°45'25.03"	18°45'49.00"	105°45'32.00"	Bờ Bắc Cửa Hội
T1	18°46'02.05"	105°45'48.05"	18°45'58.09"	105°45'55.02"	Tim Luồng Cửa Hội - Bến Thủy

b) Ranh giới về phía đất liền khu vực sông Cẩm: từ điểm NA1 chạy dọc theo bờ biển về hướng Nam đến sông Cẩm, chạy dọc theo bờ phải sông Cẩm (từ biển vào), chạy theo hạ lưu đập Nghi Quang sang bờ trái sông (từ biển vào) chạy tiếp về phía biển, qua cảng Cửa Lò, chạy dọc theo bờ biển thị xã Cửa Lò đến điểm NA5;

c) Ranh giới về phía đất liền khu vực sông Lam: Từ điểm NA5 và điểm T1 có tọa độ: 18°46'02,5"N - 105°45'48,5"E (tim luồng Cửa Hội - Bến Thủy) chạy dọc theo đường tim luồng và bờ phải sông Lam (từ biển vào) về phía thượng nguồn đến đường thẳng cắt ngang sông, cách thượng lưu cầu cảng số 06 - cảng Bến Thủy 200 mét về phía thượng nguồn.

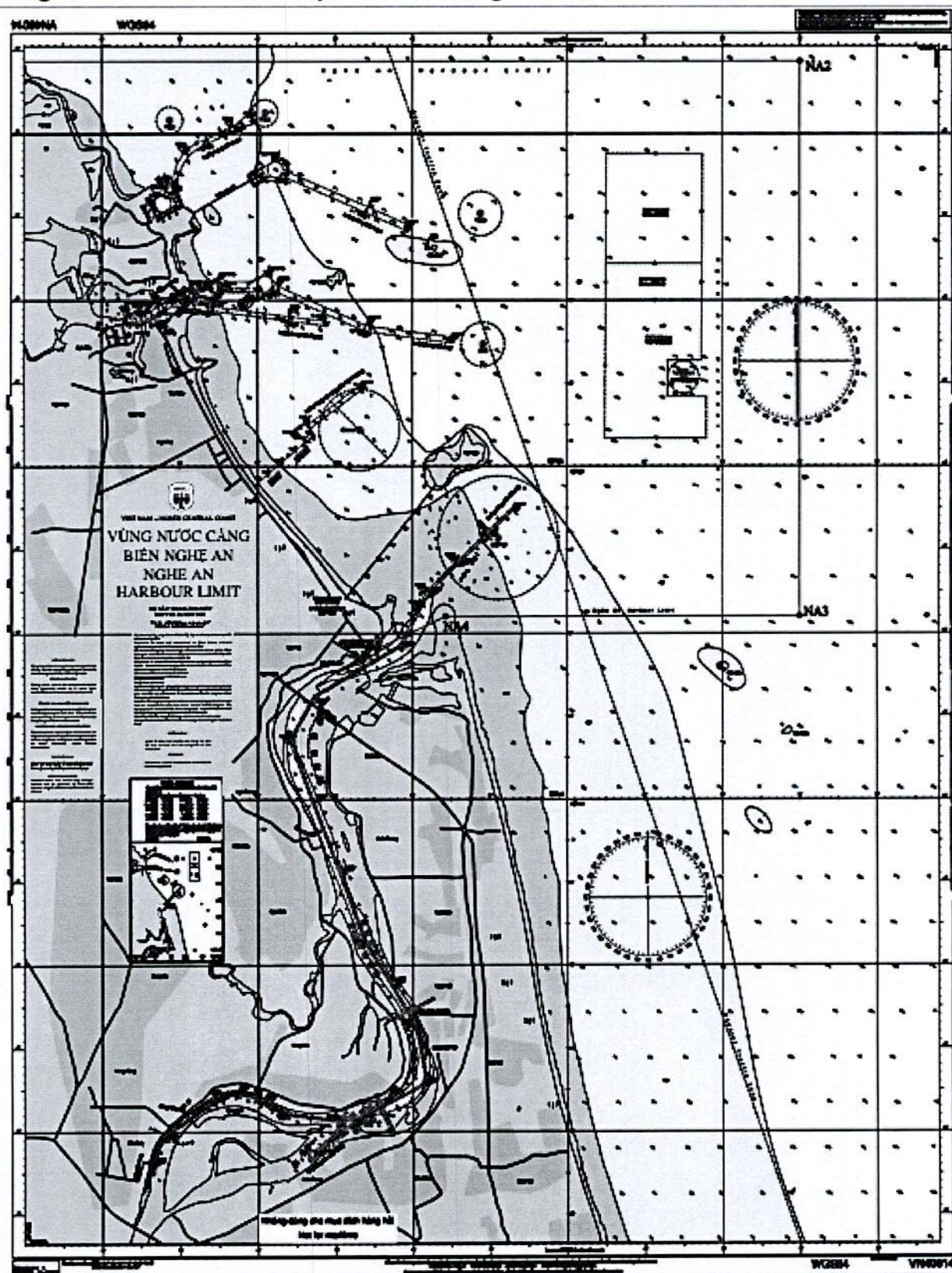
3. Khu vực hàng hải Xuân Hải

Ranh giới về phía đất liền khu vực sông Lam: Từ điểm HT1 có tọa độ 18°46'15,6"N - 105°46'19,3"E và điểm HT2 có tọa độ: 18°46'02,5"N - 105°45'48,5"E (tim luồng Cửa Hội - Bến Thủy) chạy dọc theo đường tim luồng và bờ trái sông Lam (từ biển vào) về phía thượng nguồn đến đường thẳng cắt ngang sông, cách thượng lưu cầu cảng số 06 - cảng Bến Thủy 200 mét về phía thượng nguồn.

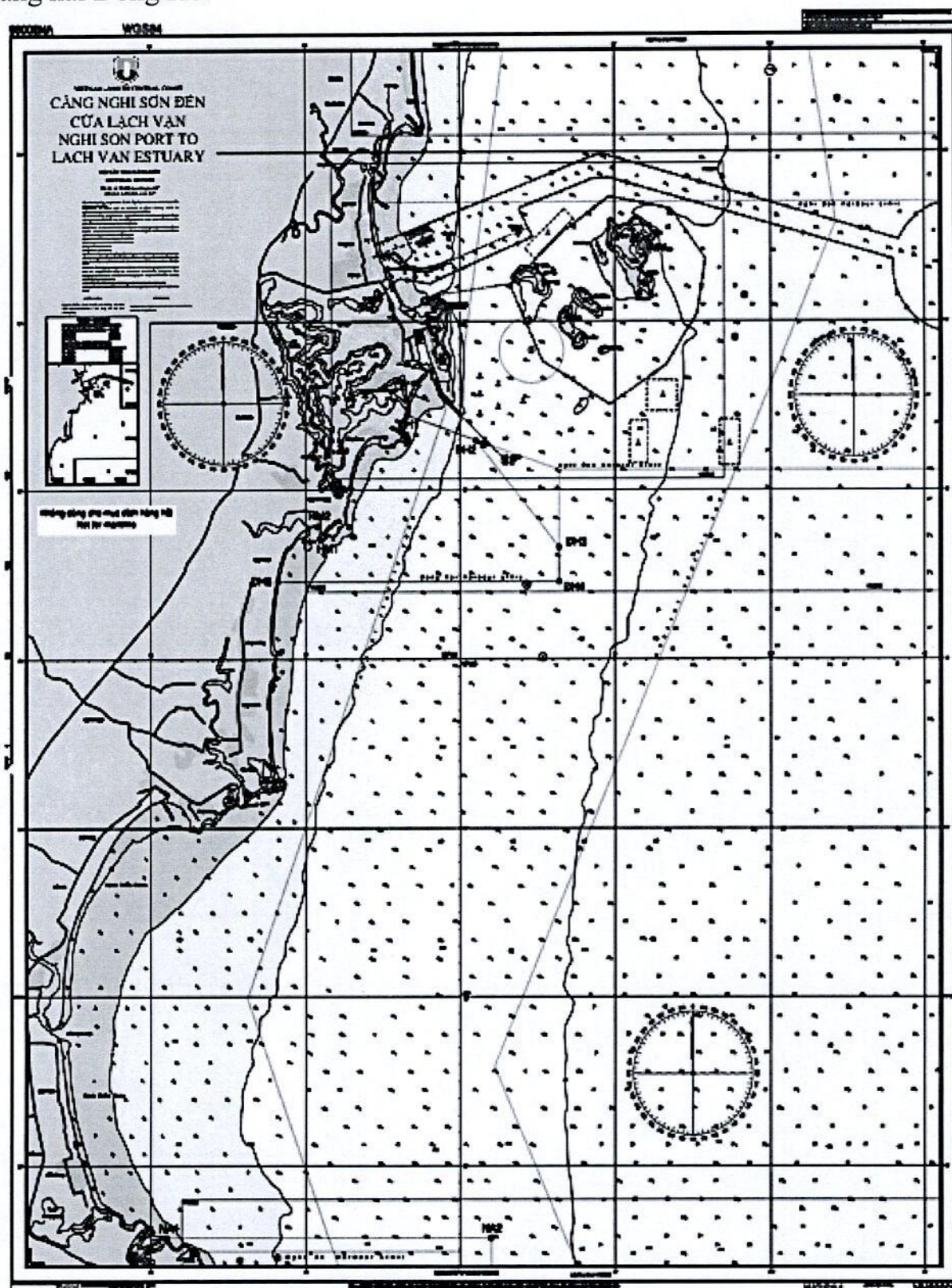
Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
HT1	18°46'15.06"	105°46'19.03"	18°46'12.00"	105°46'26.00"
HT2	18°46'02.05"	105°45'48.05"	18°45'58.09"	105°45'55.02"

4. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN30005 và VN40014 được cập nhật mới nhất năm 2025. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng.

5. Bản đồ và giới hạn phạm vi vùng nước cảng biển Nghệ An tại khu vực
hàng hải Cửa Lò - Bến Thủy, khu vực hàng hải Xuân Hải



6. Bản vẽ và giới hạn phạm vi vùng nước cảng biển Nghệ An tại khu vực
hàng hải Đông Hồ



Phụ lục II

THÔNG TIN CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÀNG HẢI, CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH KHÁC TẠI CẢNG BIỂN VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

*(Ban hành kèm theo Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý
của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An)*

1. Cảng vụ Hàng hải Nghệ An

a) Trụ sở chính

- Địa chỉ: đường Hồ Quý Ly, khối 13, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Điện thoại: 02383.855.322; 02383.533.579;
- E-mail: cangvuhanghainghean61@gmail.com;
- Trang điện tử: <http://www.cangvuhanghainghean.gov.vn>.

b) Đại diện Cửa Lò

- Địa chỉ: Số 01, đường Bình Minh, phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An;
- Điện thoại: 02383.952.245.

c) Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải

- Địa chỉ: Số 01 đường Bình Minh, phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An;
- Điện thoại: 02383.952.246.

2. Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ: Số 06 đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Điện thoại: 02383.833.124.

3. Chi cục Hải quan Khu vực XI

- Địa chỉ: Số 186 đường Xuân Diệu, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh;
- Điện thoại: 02393.693.734;
- Email: chicuchaiquankhuvucxi@gmail.com.

4. Chi cục Chăn nuôi và thú y vùng III

- Địa chỉ: Số 51 đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Điện thoại: 02383.859.786;
- Email: hcthtyv3@gmail.com.

5. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ: Số 140 đường Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, Nghệ An;
- Điện thoại: 02383.590.005.

6. Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ: Số 47 đường Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, Nghệ An;
- Điện thoại: 02383.844.530; Fax: 02383.849.670;
- Email: gtvt@nghean.gov.vn.

7. Đội cảnh sát đường thủy - Phòng CSGT Công an tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ: Đường Dũng Quyết, phường Trường Vinh, Nghệ An;
- Điện thoại: 0692.906.119.



Phụ lục III
BẢNG ĐỘ SÂU DỰ PHÒNG TỐI THIỂU
*(Ban hành kèm theo Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý
của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An)*

Chiều dài lớn nhất của tàu (m)	Mớn nước của tàu (m)	Độ sâu dự phòng UKCmin (m)
$LOA \leq 160$	$D \leq 7.0$	0.4
$LOA \leq 160$	$7.0 < D \leq 8.0$	0.5
$LOA \leq 160$	$D > 8.0$	0.6
$160 < LOA \leq 170$	$D \leq 8.0$	0.5
$160 < LOA \leq 170$	$D > 8.0$	0.6
$170 < LOA \leq 180$	$D \leq 7.0$	0.5
$170 < LOA \leq 180$	$7.0 < D \leq 8.0$	0.6
$170 < LOA \leq 180$	$D > 8.0$	0.7
$180 < LOA \leq 190$	$D \leq 7.0$	0.6
$180 < LOA \leq 190$	$7.0 < D \leq 8.0$	0.7
$180 < LOA \leq 190$	$D > 8.0$	0.8
$190 < LOA \leq 230$	$D \leq 7.0$	0.7
$190 < LOA \leq 230$	$7.0 < D \leq 8.0$	0.8
$190 < LOA \leq 230$	$D > 8.0$	1.0